

# BÀI HỌC KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ MÔ HÌNH AN SINH XÃ HỘI CỦA EU VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Đinh Công Tuấn

*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

Nghiên cứu hệ thống chính sách an sinh xã hội của các nước EU chúng ta có thể thấy: mô hình an sinh xã hội của các nhà nước phúc lợi xã hội EU có những điểm khác nhau, tuy rằng những điểm khác nhau đó là không rõ ràng và rất khó phân biệt. Mỗi mô hình an sinh xã hội khác nhau, cơ chế an sinh, quyền lợi an sinh, mức độ đóng góp và chịu trách nhiệm của mỗi phía cũng có sự khác nhau. Sự khác nhau này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích được hưởng nhiều hay ít của người dân nước đó, khiến cho mô hình an sinh xã hội của khu vực này vừa mang tính thống nhất, vừa mang tính đa dạng.

Thực tiễn phát triển hệ thống an sinh xã hội của các nước EU giúp chúng ta nhìn nhận được rằng: các nước EU đã rất thành công trong việc phân phối phúc lợi đến cho mọi người dân. Sự thành công này là phù hợp với những mục tiêu đề ra về việc phát triển

những nhà nước phúc lợi kiểu châu Âu kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai. Thực tế hiện nay cho thấy các nước EU đã phát triển được một chế độ an sinh hoàn hảo nhất thế giới, trong đó lợi ích kinh tế được phân bổ gần như đồng đều đến mọi thành viên trong xã hội, kể từ bảo hiểm hưu trí, chăm sóc sức khoẻ, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp xã hội... Đây là điều không thể phủ nhận được. Thu nhập đầu người của người dân EU tương đối công bằng và ở mức cao, tuổi thọ tăng nhanh, hệ thống y tế, hệ thống chăm sóc bà mẹ trẻ em và người già tốt vào bậc nhất thế giới. Mô hình an sinh xã hội EU đáng để cho các nước như Việt Nam học hỏi và tham khảo.

## 1. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ mô hình an sinh xã hội của EU

Nghiên cứu những mô hình an sinh xã hội của EU trong thời gian qua, chúng ta có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu sau cho Việt Nam:

*Thứ nhất, bài học về việc gắn liền phát triển kinh tế với việc phân phối an sinh xã hội đầy đủ cho toàn dân.*

Có thể khẳng định, trong những thập kỷ 1950 và 1960, kinh tế các nước EU đã phát triển trong môi trường rất thuận lợi và đạt được những tiến bộ vượt bậc trong tăng trưởng kinh tế, phát triển cơ cấu ngành, tích lũy ngoại tệ, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường thế giới. Đây cũng được đánh giá là những “thập kỷ vàng” trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, tạo ra việc làm đầy đủ, sức khoẻ dân cư được đảm bảo, tỷ lệ sinh giảm, tuổi thọ tăng nhanh, thu nhập tăng cao, nghèo khổ được hạn chế. Có thể nói tăng trưởng và phát triển kinh tế đã làm nền tảng, chỗ dựa bền vững nhất cho việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đồng bộ và toàn diện ở hầu hết các nước EU. Cho đến nay, EU vẫn được đánh giá là khu vực có chất lượng an sinh tiến bộ bậc nhất thế giới, mặc dù những mô hình an sinh này đang đặt trước yêu cầu phải cải cách mạnh tay. Kinh nghiệm của EU cho thấy trong quá trình phát triển kinh tế, nếu chúng ta không kịp thời xây dựng hệ thống an sinh xã hội rộng mở, toàn diện ngay từ đầu, những thành quả phát triển kinh tế sẽ không được phân bổ nhanh chóng đến mọi tầng lớp dân cư trong xã hội, đặc biệt là những tầng lớp yếu thế, dẫn đến những bất ổn định kinh tế xã hội lâu dài khó giải quyết trong thời gian dài sau đó. Trước khi chịu sự khủng hoảng của mô hình nhà nước phúc lợi, các nước EU đã thực hiện được mạng lưới an sinh đầy đủ cho người

dân, phát triển kinh tế được đi đôi với phát triển xã hội. Mô hình nhà nước phúc lợi của các nước EU trong những thập kỷ đó đã được thế giới đánh giá cao và cho đến nay nó vẫn được xem là một mô hình đem lại sự giàu có và thịnh vượng cho hầu hết người dân nước đó.

Trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường đã đi được chặng đường 20 năm và đã đem lại những thành tựu đáng tự hào về phát triển kinh tế. Nhưng cùng với quá trình chuyển đổi đó, chế độ phúc lợi mang tính bao cấp phải giảm dần, phân hoá xã hội bất đầu nảy sinh, đối tượng người yếu thế chiếm đông đảo do hậu quả của chiến tranh và làn sóng đô thị hoá. Nhận thức được việc gắn liền phát triển kinh tế với phân bổ an sinh xã hội, Việt Nam đã liên tục điều chỉnh các chính sách xã hội, thực hiện mạng lưới an sinh xã hội, đảm bảo cuộc sống cho người dân nhất là nhóm người nghèo gặp khó khăn. Những thành tựu đó là đáng ghi nhận, song chưa đủ để thấy Việt Nam đã phát triển tốt hệ thống an sinh sau 20 năm đổi mới đất nước. Nhiều thể chế, luật pháp cho mạng lưới an sinh xã hội còn thiếu và bất cập đang đòi hỏi phải có sự nỗ lực hơn nữa để gắn kết hiệu quả giữa tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội. Bài học từ các nước EU cho thấy các bước đi hoàn thiện hệ thống an sinh của Việt Nam cần phải kịp thời hơn, mạnh mẽ hơn, linh hoạt và hiệu quả hơn mới có thể đem lại sự thịnh vượng và giàu có cho mọi người dân trên đất nước.

*Thứ hai, bài học về việc cải cách hệ thống an sinh xã hội cho phù hợp với tình hình phát triển mới.*

Trong quá trình phát triển kinh tế, giải quyết phúc lợi xã hội là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần phải được quan tâm một cách thường xuyên. Song khi giải quyết nó chúng ta cần phải xem xét trong mối quan hệ với các yếu tố khác, trước hết là kinh tế. Nếu chúng ta thực hiện một chế độ an sinh vượt quá khả năng về kinh tế thì sớm muộn sẽ đem lại những hậu quả tồi tệ, và ngược lại nếu không xây dựng được các chính sách phúc lợi xã hội và chính sách an sinh xã hội phù hợp thì nó lại cản trở tiến trình phát triển xã hội nói chung. Khi thực hiện chính sách an sinh xã hội từ chính sách cho đến hình thức cụ thể, chúng ta cần phải xuất phát từ thực tiễn phát triển của Việt Nam để lựa chọn. Kinh nghiệm của các nước EU cho thấy, những chính sách an sinh xã hội rộng lớn, mang nặng tính tài chính và mục tiêu phân bổ an sinh xã hội đôi khi trùng lặp (đặc biệt ở mô hình nhà nước bảo thủ) đã một thời đem lại lợi ích cực kỳ to lớn cho người dân nước đó trong giai đoạn kinh tế phát triển thịnh vượng; Tuy nhiên, trong những giai đoạn kinh tế trì trệ hoặc khủng hoảng, chính sách an sinh xã hội của các nước này đã tỏ ra quá sức chịu đựng, gây ra sức ép tài chính nặng nề cho chính phủ, khiến tăng trưởng kinh tế chịu tác động tiêu cực hơn, sức ỳ của nền kinh tế lớn hơn, người dân dễ rơi vào vòng luẩn quẩn của cái bẫy thất nghiệp và

nghèo khổ hơn, bất công xã hội ngày càng nặng nề hơn. Trong trường hợp đó, chính sách an sinh xã hội đã vượt quá khả năng kinh tế của các nước EU, kéo theo hàng loạt những hậu quả khác về kinh tế và xã hội của các nước này.

Điều kiện hiện nay của Việt Nam gần giống như điều kiện của các nước EU thời kỳ đầu công nghiệp hoá trong thập kỷ 1950-1960. Trong quá trình chuyển đổi kinh tế, yêu cầu đặt ra là phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển công bằng xã hội trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển. Quan điểm của Đảng là tăng trưởng kinh tế tạo cơ sở và điều kiện thuận lợi cho phát triển xã hội; ngược lại phát triển xã hội là động lực, mục tiêu cuối cùng của kinh tế. Với những bất cập hiện nay của hệ thống bảo hiểm xã hội và cứu trợ xã hội, nếu chúng ta không có những chính sách phúc lợi phù hợp ngay từ bây giờ thì rất khó khăn để Đảng và Chính phủ điều tiết thu nhập xã hội, thúc đẩy bình đẳng và an sinh cho người dân, do vậy sẽ dẫn đến những cản trở mới cho tăng trưởng và phát triển kinh tế trong giai đoạn tới.

*Thứ ba, hệ thống an sinh xã hội cần phải xây dựng tốt trên cơ sở đóng góp của nhiều phía, trong đó điểm nòng cốt phải là người sử dụng lao động, người lao động và nhà nước.*

Mô hình bảo hiểm xã hội của các nước Đức, Pháp và Thụy Điển cho thấy sự đóng góp này trước kia chủ yếu dựa trên cơ chế "hợp đồng giữa các thế hệ", sau này đã có

những sửa đổi và điều chỉnh theo cơ chế đa dạng hoá hệ thống đóng góp, nhưng vẫn tồn tại rất nhiều nhược điểm. Cơ chế đóng góp này được xây dựng trên nguyên tắc đoàn kết, tương thân tương ái và sức mạnh cộng đồng. Tuy nhiên nó đang làm nảy sinh gánh nặng tài chính đè lên vai thế hệ trẻ, dẫn đến nạn thất nghiệp tràn lan do thanh niên không muốn làm việc mà ở nhà hưởng trợ cấp thất nghiệp và các khoản trợ cấp khác, hệ thống hưu trí gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, cơ chế đóng góp của Anh và Mỹ có nhiều điểm linh hoạt hơn, gắn kết với cơ chế thị trường hơn, coi trọng trách nhiệm của cá nhân hơn, nên hai nước này không phải chịu những tồn tại như trong mô hình Bickmarck ở Đức và Pháp. Thất nghiệp ở Anh thấp hơn nhiều so với các nước này và gánh nặng tài chính của hệ thống bảo hiểm xã hội không lớn lắm.

Trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, bảo hiểm xã hội phần lớn thuộc về trách nhiệm của người sử dụng lao động và nhà nước. Người sử dụng lao động phải đóng góp tới 17% (15% bảo hiểm xã hội và 2% bảo hiểm y tế) trong khi người lao động chỉ phải đóng 6% (5% bảo hiểm xã hội và 1% bảo hiểm y tế). Tuy cơ chế đóng góp của chúng ta đi theo mô hình “có đóng góp có hưởng thụ”, nhưng cơ chế này lại đang tạo ra trách nhiệm nặng nề cho các tổ chức xí nghiệp sử dụng lao động và tạo ra tính ỷ lại của người lao động, không đề cao trách nhiệm cá nhân. Điều này cũng đang gây ra nhiều vấn đề bất cập trên thị trường lao động tại Việt Nam.

*Thứ tư, vai trò của nhà nước trong xây dựng chính sách an sinh xã hội và phân bổ phúc lợi xã hội.*

Để có thể đảm bảo phân bổ hiệu quả các phúc lợi xã hội đến với mọi người dân, vai trò của nhà nước trong việc hoạch định các chính sách an sinh xã hội là rất quan trọng. Các chính sách này phải mang tính rộng lớn, toàn diện, để cập đến mọi khía cạnh của hệ thống an sinh của đất nước. Chính sách này phải có sự thay đổi cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển bởi mỗi giai đoạn phát triển khác nhau các vấn đề xã hội nảy sinh lại khác nhau. Bài học từ các nước EU cho thấy, chính phủ không thể chỉ chú ý đến vấn đề hoạch định ở ạt và theo chiều rộng các chính sách và các biện pháp an sinh, mà còn phải chú trọng nhiều hơn đến việc cải cách, sửa đổi các chính sách đó cho phù hợp. Chẳng hạn trong chính sách cải cách chế độ hưu trí, sự chỉnh sửa chính sách của các nước EU diễn ra liên tục từ đầu thập kỷ 1990 cho đến nay trên cả các cấp độ khu vực và cấp độ quốc gia nhằm sửa chữa những sai lầm thiếu sót trong chính sách do sự thay đổi nhân khẩu và việc làm gây ra. Tại Việt Nam hiện nay, các chính sách an sinh xã hội chưa được phát triển toàn diện (còn thiếu Luật bảo hiểm Thất nghiệp, Luật bảo hiểm Xã hội, Luật bảo hiểm Y tế...). Những quy định, chính sách liên quan đến các lĩnh vực an sinh khác nhau còn nhiều chồng chéo, chưa thống nhất, chưa đầy đủ, dẫn đến sự phân phối mất công bằng những thành quả của phát triển kinh tế. Nếu nhà nước không đóng vai trò mạnh hơn trong việc hình thành và hoàn thiện các chính sách

an sinh xã hội, thì trong thời gian tới Việt Nam sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc gắn kết tăng trưởng đi đôi với chất lượng tăng trưởng kinh tế

## 2. Những kiến nghị cho việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

Từ việc nghiên cứu mô hình an sinh xã hội ở các nước EU và những thành tựu, hạn chế trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua, trong thời gian tới chúng ta cần hoàn thiện chính sách an sinh xã hội theo hướng sau đây:

*Thứ nhất, cần lựa chọn mô hình và hệ thống an sinh xã hội thích hợp.*

Trong điều kiện Việt Nam, mô hình và hệ thống an sinh xã hội cần phải dựa trên cơ chế thị trường với các biện pháp thích hợp đảm bảo an toàn cho người lao động và tạo cho họ có cơ hội lựa chọn hình thức bảo đảm xã hội tốt nhất. Mô hình an sinh xã hội của Việt Nam nên học hỏi theo mô hình thị trường tự do của Anh và Mỹ, nâng cao trách nhiệm của cá nhân trong các hình thức bảo đảm xã hội, đồng thời kêu gọi sự đoàn kết, tương thân tương ái của nhà nước và cộng đồng. Chúng ta không nên tách biệt mô hình an sinh xã hội ra khỏi kinh tế thị trường bởi nó sẽ tạo ra những sức ép xã hội to lớn sau này, gây tác động tiêu cực trở lại đối với tăng trưởng kinh tế. Hệ thống an sinh xã hội phải bao gồm: bảo hiểm xã hội với sự đóng góp của các bên tham gia; mở rộng các dịch vụ xã hội, trước hết là các dịch vụ xã hội cơ bản; trợ giúp cho nhóm yếu thế trong xã hội và một chính sách thị trường lao động đúng

hướng. Mô hình an sinh xã hội sẽ gồm 3 cấp: bảo hiểm y tế, bảo hiểm nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp; chính sách thị trường lao động có liên quan đến dạy nghề, đào tạo lại, tạo việc làm, hỗ trợ tự tạo việc làm, hỗ trợ tìm việc làm; trợ giúp xã hội đột xuất, tạm thời.

Chính phủ cần phải có những đề án nghiêm túc nghiên cứu và đánh giá những mặt được và mặt hạn chế của hệ thống an sinh xã hội hiện nay của Việt Nam. Việc nghiên cứu kinh nghiệm thành lập và thực hiện mô hình an sinh xã hội của các quốc gia trên thế giới như EU, ASEAN, Mỹ, Nhật Bản... là cần thiết để chúng ta hiểu được những ưu nhược điểm của từng mô hình an sinh xã hội, từ đó lựa chọn mô hình an sinh phù hợp cho Việt Nam.

*Thứ hai, cần phải mở rộng nhanh chóng phạm vi và đối tượng được hưởng an sinh xã hội.*

Hiện nay, đối tượng hưởng an sinh xã hội chủ yếu là công, viên chức nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn, cán bộ lực lượng vũ trang, những người nông dân nghèo, những người già ốm, tàn tật, trẻ mồ côi, những người cần cứu trợ khẩn cấp, những người nhiễm bệnh HIV/AIDS... Những đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc đang ngày càng mở rộng trong khi hình thức bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện chưa được chú trọng phát triển. Để mạng lưới an sinh xã hội hoạt động hiệu quả trong điều kiện đất nước đã bước sang giai đoạn phát triển mới, cần mở rộng phạm vi và

đối tượng như nông dân, lao động nông thôn, lao động thuộc thành phần kinh tế cá thể phi nông nghiệp, những người dân thường phải sống trong bão lũ thiên tai... Trong điều kiện của nước ta hiện nay, chúng ta không nên mở rộng diện tham gia bảo hiểm bắt buộc, chưa thực hiện được chế độ bảo hiểm bắt buộc đối với các hộ gia đình, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp làm ăn không ổn định, các doanh nghiệp hoạt động mang tính chất thời vụ... Chúng ta cũng nên mở rộng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế tự nguyện đối với mọi tầng lớp dân cư. Ngoài ra, hiện nay chúng ta chưa đủ điều kiện để có thể trợ cấp đầy đủ và trợ cấp bổ sung cho nhiều đối tượng khác như những ông bố/bà mẹ đang có con nhỏ, trợ cấp cho học sinh trước độ tuổi 18, trợ cấp cho vợ/chồng goá, trợ cấp cho những người làm công tác chăm sóc trẻ em và người già ngoài quy mô cộng đồng, trợ cấp cho những người thu nhập thấp... như những nước EU đã làm, nhưng trong tương lai không xa, các đối tượng này cũng cần phải được chú ý trong chính sách phân phối an sinh xã hội ở nước ta.

*Thứ ba, đổi mới cách tính mức đóng góp bảo hiểm và mức chi trả bảo hiểm để đơn giản hoá việc tính toán và thực hiện việc thanh toán bảo hiểm gắn với quá trình mua bảo hiểm của mỗi cá nhân.*

Để thực hiện điều này, trước hết chúng ta phải cơ cấu lại tỷ lệ đóng góp của các bên tham gia hệ thống an sinh xã hội. Hệ thống bảo hiểm xã hội, kể cả bảo hiểm y tế có tổng mức đóng góp là 23%, với tỷ lệ đóng góp của

người sử dụng lao động cao gấp 3 lần người lao động. Mức đóng góp này là thấp so với một số nước EU và mất cân đối giữa người lao động và người sử dụng lao động. Trong tương lai, chúng ta cần nâng mức đóng góp lên cao hơn để ngang bằng với các nước trong khu vực và tỷ lệ đóng góp giữa người lao động và người sử dụng lao động nên là 50% và 50%. Nhà nước cũng phải tham gia đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội với tư cách là người sử dụng lao động trong lĩnh vực hành chính và sự nghiệp. Sự đóng góp công bằng này sẽ đem lại lợi ích cho cả chủ doanh nghiệp, hạn chế tính ỷ lại của người lao động, khuyến khích nâng cao mức bảo hiểm cho người lao động.

Bên cạnh đó, cần phải quy định trách nhiệm của những bên đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội. Đối với người lao động, tỷ lệ đóng góp cao hơn trong tương lai sẽ khiến trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động đối với bảo hiểm xã hội được xác định rõ ràng và vị thế của người lao động sẽ được đề cao. Đối với người sử dụng lao động, cần phải có những quy định về việc trích bảo hiểm xã hội từ lương đối với từng loại hình lao động (biên chế, hợp đồng...), tránh tình trạng trốn tránh trách nhiệm đóng bảo hiểm cho người lao động và hạn chế bớt tâm lý ỷ lại của phân đông lực lượng lao động trong biên chế nhà nước. Trách nhiệm mở rộng của cơ quan sử dụng lao động sẽ khiến sự tham gia đóng bảo hiểm của tầng lớp nhân dân lao động ngày càng đông đảo hơn. Ngoài ra, cũng phải có những chế tài cụ thể đối với

những cơ quan sử dụng lao động nợ tiền bảo hiểm của người lao động.

*Thứ tư, cần nhanh chóng xây dựng các luật về an sinh xã hội, đặc biệt là nhanh chóng ban hành Luật bảo hiểm Xã hội, Luật bảo hiểm Thất nghiệp, Luật Hưu trí, Luật bảo hiểm Y tế và Chăm sóc sức khoẻ, khung chính sách cơ bản về các khía cạnh bảo trợ xã hội.*

Sau Đại hội đảng lần thứ X, Luật Bảo hiểm xã hội đã được Quốc hội thông qua. Tuy nhiên, cần phải xem xét kỹ hơn nữa bộ luật này. Bộ Luật bảo hiểm Xã hội cần phải quy định cụ thể quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia, cơ chế đóng góp, mức độ đóng góp, cơ chế quản lý, cơ chế kiểm tra, giám sát và xử phạt đối với trường hợp vi phạm luật. Chúng ta cũng cần phân biệt rõ hơn mục tiêu của bảo hiểm xã hội so với các bảo hiểm khác trong hệ thống bảo hiểm xã hội, đặc biệt là cần xem xét kỹ vấn đề trợ cấp ốm đau và thai sản trong bảo hiểm xã hội hiện hành. Chế độ bảo hiểm này hiện nay đang trùng lặp với bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động..., do vậy cần phải có sự tách biệt để đem lại lợi ích thiết thực cho người được bảo hiểm, tránh chồng chéo và gây chi phí không cần thiết. Đối với Luật bảo hiểm Y tế, bảo hiểm Tai nạn lao động, chúng ta cũng cần nghiên cứu kỹ kinh nghiệm luật pháp của các nước trên thế giới và thực tiễn của Việt Nam để huy động nguồn vốn đầy đủ cho các quỹ bảo hiểm, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng của những người tham gia bảo hiểm.

Mặc dù chưa thành luật, nhưng hệ thống bảo hiểm xã hội của nước ta đã được hình thành trên 3 hình thức bảo hiểm chính như đã kể trên, đó là: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm và bồi thường tai nạn lao động. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là nước ta chưa có khung pháp lý nào cho bảo hiểm thất nghiệp. Trong thời gian vừa qua, thất nghiệp là một điểm nóng trong nền kinh tế nước ta, tạo ra rất nhiều hậu quả xã hội liên quan. Ở nhiều nước EU, bảo hiểm thất nghiệp thường là loại bảo hiểm ra đời muộn nhất khi nền kinh tế đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết. Vậy ở nước ta, những điều kiện cần thiết để cho ra đời Luật bảo hiểm Thất nghiệp đã có hay chưa? Có rất nhiều tranh luận xoay quanh vấn đề này. Theo ý kiến của nhóm nghiên cứu chúng tôi, sau 20 năm đổi mới, Việt Nam đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết để ra đời Luật bảo hiểm Thất nghiệp, bởi chúng ta đã phát triển cơ bản nền kinh tế thị trường, thị trường lao động bắt đầu được hình thành và thống nhất trên cả nước. Trong thời gian tới, việc áp dụng bảo hiểm thất nghiệp là rất cần thiết. Kinh nghiệm của EU cho thấy không phải người thất nghiệp nào cũng được hưởng loại hình bảo hiểm này. Vì vậy chúng ta cũng cần đề ra những đối tượng được hưởng bảo hiểm thất nghiệp một cách cụ thể, trước hết trong trình độ phát triển kinh tế hiện nay của nước ta, đối tượng này nên thu hẹp hơn nhiều so với các nước EU đã áp dụng. Nguồn quỹ bảo hiểm thất nghiệp, mức độ trợ cấp thất nghiệp khác nhau, cơ quan chức năng quản lý bảo hiểm thất nghiệp... cũng cần nhanh chóng được làm rõ trước khi áp dụng bảo hiểm thất nghiệp.

*Thứ năm, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đóng góp vào hệ thống an sinh xã hội.*

Kinh nghiệm thành công của nước Anh cho thấy, khu vực tư nhân dần trở thành một lực lượng nòng cốt trong việc tạo nguồn quỹ cho an sinh xã hội, đồng thời giúp người lao động tự do lựa chọn hơn hình thức đảm bảo an sinh cho riêng mình. Những năm gần đây, các nước châu Âu theo mô hình kinh tế thị trường xã hội và mô hình xã hội dân chủ cũng đang nỗ lực cải cách mô hình an sinh theo hướng đa dạng hoá nguồn đóng góp, trong đó chú trọng nhiều hơn đến khu vực tư nhân để giảm gánh nặng nguồn quỹ an sinh đối với chính phủ. Đối với Việt Nam, trong điều kiện còn nghèo như hiện nay, sự tham gia của khu vực tư nhân vào quỹ an sinh xã hội sẽ góp phần giảm gánh nặng bao cấp, tăng nguồn quỹ đảm bảo xã hội, mở rộng sự tham gia của các cá nhân vào các hệ thống bảo hiểm xã hội. Đặc biệt, trong hệ thống cứu trợ xã hội của Việt Nam hiện nay, nguồn quỹ chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách địa phương và trung ương, do vậy còn manh mún và không hiệu quả. Sự tham gia của khu vực tư nhân vào các quỹ bảo trợ xã hội, quỹ cứu trợ khẩn cấp... sẽ góp phần điều chỉnh cơ cấu chi tiêu của hệ thống an toàn xã hội, giúp những người yếu thế ứng phó kịp thời hơn trước những rủi ro tự nhiên và những cú sốc kinh tế-xã hội và hưởng lợi ích lớn hơn từ các chính sách phúc lợi của chính phủ./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Mai Anh: *Chính sách xã hội trong nền kinh tế thị trường xã hội của CHLB*

*Đức và khả năng vận dụng ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 3/2005.

2. Lê Đăng Doanh, Nguyễn Minh Tú (chủ biên): *Khung chính sách xã hội trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường: kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn của Việt Nam*, NXB Thống kê, 1999.

3. Nguyễn An Hà, *Vài nét về cải cách hưu trí ở các nước Tây Âu*, T/c Nghiên cứu Châu Âu, 6/2001.

4. Chu Hoàng: *Đảm bảo xã hội, hiện trạng và cải cách của xã hội Anh*, T/c Nghiên cứu Châu Âu, 5/2003.

5. Peter Lang: *Building Social Europe through the Open Method of Coordination*, P.I.E.-, 2003.

6. Peter Krause: *Combating Poverty in Europe: the German Welfare Regime in Practice*, Cash & Care, 2004.

7. Pascal Petit – Luc Soete: *Technology and the Future of European Employment*, EE 2001.

8. Jordi Gual: *Buiding a Dynamic Europe: the Key Policy Debates*, IESE, 2004.

9. John Dixon: *Social Security in Global Perspective*, Praeger, 1999.

10. *Từ điển tường giải kinh tế thị trường xã hội: cẩm nang chính sách kinh tế*, NXB Từ điển Bách khoa, 2002.

11. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo đặc biệt, Tin kinh tế hàng ngày*, 2004-2006.

12. Trang Web: Eurostar, OECD.org, Google.com